

Số: /KH-BCĐ

Bắc Quang, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện công tác Chăm sóc sức khỏe Bà mẹ, trẻ sơ sinh
và trẻ em trên địa bàn huyện Bắc Quang năm 2024**

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện công tác chuyên môn

1.1. Công tác Chăm sóc sức khỏe bà mẹ

Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai nghén đạt 99%, tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai từ 4 lần trở lên trong 3 thời kỳ thai nghén đạt 85% % toàn huyện, tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ đạt 99,4%, tỷ lệ phụ nữ đẻ ở cơ sở y tế 99,4%

1.2. Công tác Chăm sóc sức khỏe trẻ em

- Tổng số trẻ đẻ ra sống trong năm 1580 trẻ, số trẻ được cân 1579 trẻ. Trong đó số trẻ nhẹ cân <2.500gram 78 trẻ chiếm 4,9%, trẻ sơ sinh có cân nặng > 4.000 gram 14 trẻ chiếm 0,88%;

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tiêm vitamin K1 ngay sau khi đẻ đạt: 99,6% tỷ lệ trẻ được bú mẹ trong giờ đầu sau sinh đạt 99%. Số trẻ được sàng lọc sơ sinh bằng phương pháp lấy máu gót chân là 425 trẻ đạt 27%.

1.3. Công tác cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình

- Tổng số cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại là: 14.687/21.922 người trong đó số người áp dụng biện pháp tránh thai mới trong năm 2023 6.891/7040 người;

Trong đó:

+ Triệt sản: 09 người

+ Dụng cụ tử cung (đặt vòng): 490 người

+Thuốc tiêm tránh thai (dịch vụ): 128 người

+ Thuốc uống tránh thai:4.596 người

+ Bao cao su: 1.655 người

- Phá thai an toàn (do sử dụng biện pháp tránh thai lâm sàng thất bại)16 ca. thực hiện theo quy định không xảy ra tai biến.

1.4. Công tác phòng chống viêm nhiễm đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường tình dục

Hoạt động phòng chống các nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục trong đó bao gồm cả HIV/AIDS được triển khai từ huyện đến xã. Năm 2023, tổng số lượt khám phụ khoa là 4.641 lượt người, số lượt điều trị phụ khoa là 985 lượt người;

1.5. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên

Tổng số vị thành niên (từ 10-19 tuổi) là 19.887 người. Trong đó, vị thành niên nam là 10.172 người, vị thành niên nữ là 9.715 người.

- Số vị thành niên được tư vấn trực tiếp: 4549 lượt người.
- Số thành niên tiếp cận dịch vụ y tế: 4579 lượt người.
- Số vị thành niên có thai: 168 người.
- Số vị thành niên đẻ: 60 người. Trong đó, số vị thành niên đẻ được quản lý thai là 60/60 người, đạt 100%. Số vị thành niên đẻ tại cơ sở y tế là 60/60 người, đạt 100%.

1.6. Hoạt động khác

- Tổ chức 01 lớp tập huấn cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản tuyến xã và 05 lớp tập huấn cho nhân viên Y tế thôn bản;
- Tổ chức truyền thông trực tiếp tại 17 xã/thị trấn về nội dung khám thai định kỳ, tư vấn kiến thức chăm sóc thai kỳ cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ thu hút được 1.360 lượt người tham gia;
- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ Chăm sóc sức khỏe sinh sản - Kế hoạch hóa gia đình tại 8 xã khu vực vùng II, vùng III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Tổ chức nhiều đợt giám sát hỗ trợ các hoạt động chuyên môn tại bệnh viện đa khoa huyện và trạm y tế xã, thị trấn.

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm

Trong năm qua, công tác chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ trẻ sơ sinh và trẻ em đã góp phần cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản của người dân nói chung, không có tai biến sản khoa, tử vong mẹ, giảm tử vong trẻ em, tử vong sơ sinh, suy dinh dưỡng trẻ em. Qua đó giảm bớt sự khác biệt về tình trạng sức khỏe, bệnh tật và dinh dưỡng cũng như tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em trên địa bàn huyện. Nhờ vậy, nhiều chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe sinh sản đều được cải thiện hơn so với năm 2022. Tỷ lệ quản lý thai chung của toàn huyện cao hơn năm cũ, qua đó cho thấy dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước khi sinh đã gần đạt đến mức bao phủ phổ cập, kể vùng sâu, vùng xa;

Về công tác chăm sóc sau khi sinh, tỷ lệ phụ nữ đẻ do cán bộ y tế được hỗ trợ, chăm sóc khi sinh được 100%, tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế 99,4%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi đều đạt so với chỉ tiêu. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên và nam học thường xuyên được duy trì thông qua tư vấn trực tiếp và cung cấp các tài liệu truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết về sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục cho lứa tuổi vị thành niên, thanh niên về cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, hướng dẫn một số cách tránh thai ngoài ý muốn.

2.2. Khó khăn, tồn tại

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản vẫn còn nhiều khó khăn: Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng truyền thông của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở còn yếu. Nhiều gia đình sinh con thứ 3 trở lên một số xã chưa nắm bắt đầy đủ tình hình và những thách thức trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, chưa nghiêm túc kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản của địa phương, chưa có kế hoạch và biện pháp khắc phục những yếu kém bất cập trong công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Phần thứ hai KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025;

Thông tư 55/2023/TT-BTC, ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ tài chính về Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định 3452/QĐ-BYT ngày 6/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 1415/QĐ-SYT, ngày 28/12/2023 của Sở Y tế tỉnh Hà Giang, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, năm 2024 (*Lĩnh vực công tác Y tế - Dân số, chăm sóc sức khỏe*).

Quyết định số 02/QĐ-TTYT ngày 04/01/2024 của Trung tâm Y tế Bắc Quang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch công tác Y tế - Dân số, năm 2024;

Kế hoạch số 07/KH-BCĐ ngày 08/01/2024 của Ban chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện Bắc Quang về việc triển khai thực hiện công tác Y tế huyện Bắc Quang năm 2024.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước, trong và sau đẻ, ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn nhằm giảm đến mức thấp nhất tỷ lệ tử vong sau sinh, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em có chất lượng trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai nghén $\geq 93\%$
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ đạt $\geq 80\%$
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế chăm sóc $\geq 95\%$
- Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tuần đầu sau sinh đạt $\geq 68\%$.
- Tỷ lệ số cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại $\geq 64\%$.
- Tăng cường tư vấn/khám sức khỏe trước khi kết hôn cho nam, nữ thanh niên.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Đối tượng can thiệp

- Phụ nữ tuổi sinh đẻ, bà mẹ trong thời gian mang thai, trong cuộc đẻ, sau đẻ, bà mẹ cho con bú, trẻ sơ sinh, trẻ em đến hết 5 tuổi, người chăm sóc trẻ từ 0 đến 24 tháng tuổi và cộng đồng. Ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đồng bào dân tộc ít người;

- Cán bộ quản lý, cán bộ y tế đang làm việc, liên quan trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe Bà mẹ, trẻ em ở tuyến huyện, trạm y tế các xã, thị trấn.

2. Các can thiệp thiết yếu

2.1. Đối với phụ nữ có thai và bà mẹ nuôi con nhỏ

- Truyền thông nâng cao nhận thức, kiến thức về dinh dưỡng và cách phòng tránh các bệnh thường gặp ở trẻ em;

- Giới thiệu và tư vấn về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản sẵn có tại địa phương, các hoạt động về công tác Kế hoạch hóa gia đình;

- Quản lý các bà mẹ trong thời kỳ thai nghén: Khám thai, chế độ chăm sóc trước và trong khi mang thai, chế độ dinh dưỡng của bà mẹ đối với bản thân mình và thai nhi, lịch tiêm chủng vắc xin phòng bệnh;

- Chăm sóc trong và sau đẻ: Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong khi đẻ và chăm sóc đến hết 42 ngày sau sinh.

2.2. Đối với trẻ sơ sinh và trẻ em

- Dự phòng các bệnh lây truyền HIV, Viêm gan B, Giang Mai từ mẹ sang con;

- Chăm sóc trước, trong và ngay sau sinh: Chăm sóc thiết yếu trẻ sơ sinh đến đủ 28 ngày;

- Đảm bảo trẻ ngay sau sinh phải được da kề da với mẹ, được cắt rốn sau 2-3 phút và được bú mẹ trong giờ đầu sau sinh và bú hoàn toàn sau đẻ trong vòng 6 tháng;

- Sau khi đẻ trẻ cần được tiêm Vitamin K và các vi chất khác khi cần.

- Chăm sóc trẻ bệnh, dự phòng, điều trị các bệnh thông thường ở trẻ nhỏ như: Tiêu chảy, nhiễm khuẩn hô hấp, chân tay miệng...

- Tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh cho trẻ em trong chương trình tiêm chủng mở rộng;

- Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh;

- + Tổ chức lồng ghép tuyên truyền về ý nghĩa và sự cần thiết của chương trình đến tất cả các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, nhất là những phụ nữ đang mang thai, phụ nữ mới kết hôn;

- + Vận động phụ nữ mang thai thăm khám, siêu âm, xét nghiệm sàng lọc dị dạng, dị tật, bệnh bẩm sinh ở thai nhi tại các cơ sở y tế trong và ngoài huyện;

- + Lấy máu gót chân trẻ sơ sinh gửi Bệnh viện tuyến trung ương xét nghiệm phát hiện sớm các tật, bệnh ở trẻ sơ sinh;

- + Dự trữ đầy đủ giấy thăm, vật tư phục vụ cho thực hiện sàng lọc sơ sinh;

- + Theo dõi, quản lý các trẻ đã phát hiện các bệnh do Chương trình tầm soát thực hiện;

- + Chi trả tiền dịch vụ kỹ thuật lấy máu gót chân cho cán bộ thực hiện kỹ thuật, tiền tư vấn, vận động trước và sau khám sàng lọc sơ sinh, tiền tem thư, phòng bì...

2.3. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Dự trữ, tiếp nhận, bảo quản, vận chuyển các phương tiện tránh thai (PTTT) miễn phí từ tỉnh, cấp phát cho các xã, thị trấn phục vụ nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai của đối tượng tại cơ sở theo kế hoạch;

- Tổ chức tập huấn hướng dẫn quản lý, cấp phát, theo dõi đối tượng sử dụng các biện pháp tránh thai, thuốc thiết yếu, vật tư tiêu hao trong dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

- Tổ chức các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở. Duy trì các hình thức truyền thông trực tiếp như: Hội nghị nói chuyện chuyên đề, thảo luận nhóm nhỏ, thăm hộ gia đình, tư vấn,... nhằm cung cấp kiến thức, thông tin và giải đáp mọi thắc mắc của người dân về các vấn đề liên quan đến dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chính sách, pháp luật, hiệu quả kinh tế, giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ, cơ chế tác dụng và hiệu quả tránh thai đối với từng loại phương tiện tránh thai;

- Chi trả chính sách khuyến khích người áp dụng triệt sản theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Kiểm tra, giám sát việc cấp phát, quản lý, sử dụng các PTTT tại 23/23 xã, thị trấn.

2.4. Đối với cán bộ, nhân viên và cộng tác viên về y tế

- Tiếp tục tổ chức đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên làm công tác chăm sóc sức khỏe Bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em tại tuyến huyện và xã, tập trung chủ yếu cho đối tượng là cán bộ tại các trạm y tế xã và nhân viên y tế thôn bản;
- Kiểm tra, giám sát hỗ trợ thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ tại cơ sở y tế có cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về nhân lực

- Đối với các thôn: đào tạo liên tục cho nhân viên Y tế thôn bản, ưu tiên lựa chọn nữ nhân viên y tế thôn bản người dân tộc thiểu số;
- Đối với tuyến xã: tăng cường việc đào tạo bổ sung kiến thức, kỹ năng hộ sinh cho cán bộ trực tiếp làm công tác đỡ đẻ tại các vùng khó khăn về địa lý;
- Đối với tuyến huyện:
 - + Tăng cường đào tạo liên tục cho cán bộ trực tiếp làm công tác đỡ đẻ đạt tiêu chuẩn của người đỡ đẻ có kỹ năng, khám sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung;
 - + Tăng cường giám sát, hỗ trợ chuyên môn tuyến xã.

2. Giải pháp về tài chính

- Đẩy mạnh truyền thông vận động về tầm quan trọng của công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em;
- Tăng cường đầu tư cho công tác Chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em thông qua Dự án mục tiêu quốc gia về sức khỏe sinh sản;
- Huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia vào vận động chính sách, nguồn lực và môi trường xã hội thuận lợi cho công tác Chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em.

3. Giải pháp về tăng cường hệ thống y tế

- Tiếp tục hoàn chỉnh bộ chỉ số, công cụ theo dõi, đánh giá về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, huấn luyện/đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê báo cáo nhằm nâng cao chất lượng báo cáo;
- Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin thông qua việc thực hiện tin học hóa hệ thống báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về sức khỏe sinh sản;

- Triển khai thường quy hoạt động thẩm định tử vong mẹ. Duy trì và củng cố hoạt động của Ban thẩm định tử vong mẹ ở tuyến huyện. Tăng cường chia sẻ thông tin thu được từ hoạt động thẩm định tử vong mẹ. Bước đầu nghiên cứu áp dụng thẩm định tử vong sơ sinh.

4. Giải pháp về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu, khoa học và công nghệ

- Tăng cường cơ sở vật chất cho các trạm y tế xã, phòng khám đa khoa khu vực đỡ đẻ, bố trí phòng đẻ riêng, cung cấp, bổ sung các dịch vụ và trang thiết bị còn thiếu;

- Duy trì nguồn cung cấp các thuốc cần thiết cho cho phụ nữ có thai, bà mẹ và cho trẻ sơ sinh, đặc biệt là các thuốc cấp cứu ở tuyến xã;

- Bổ sung đồng bộ trang thiết bị, thuốc, nâng cấp cơ sở vật chất kết hợp với đào tạo cán bộ cho bệnh viện đa khoa huyện có khó khăn về địa lý để có đủ khả năng cung cấp gói dịch vụ cấp cứu sản khoa thiết yếu toàn diện và triển khai, duy trì hoạt động của đơn nguyên sơ sinh;

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ thích ứng trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, đồng thời đánh giá hiệu quả các mô hình can thiệp nhằm rút kinh nghiệm cho việc nhân rộng.

5. Giải pháp tăng cường năng lực về quản lý trong công tác Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em

- Tăng cường năng lực cho mạng lưới chăm sóc Sức khỏe sinh sản về quản lý dựa trên kết quả đầu ra, triển khai thực hiện theo dõi giám sát và đánh giá công tác thực hiện kế hoạch về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em tại các tuyến;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật của các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

6. Giải pháp nhằm nâng cao tính sẵn có và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, chú trọng phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh thiết yếu

- Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo nâng cao năng lực cán bộ chuyên môn, cung cấp trang thiết bị, thuốc thiết yếu, cải tạo cơ sở vật chất nhằm tăng tính đồng bộ và chất lượng dịch vụ làm mẹ an toàn và chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau khi đẻ;

- Tăng cường giám sát hỗ trợ, đặc biệt là giám sát hỗ trợ sau đào tạo nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành cho đội ngũ người cung cấp dịch vụ chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ các tuyến;

- Hỗ trợ cộng đồng phát triển các mô hình giúp đỡ người dân vượt qua các khó khăn về địa hình và tài chính để tiếp cận tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em cũng như cung cấp thẻ miễn phí hoặc giảm giá dịch vụ, các biện

pháp hỗ trợ tài chính cho việc đi lại, ăn ở của phụ nữ nghèo khi tiếp cận dịch vụ chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ.

7. Giải pháp về nâng cao nhận thức, thái độ và thay đổi hành vi của người dân về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em

- Cải tiến nội dung, đa dạng hóa hình thức và hoạt động truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Đặc biệt chú trọng tới truyền thông thay đổi hành vi thông qua đội ngũ truyền thông viên trực tiếp tại cộng đồng. Ứng dụng các loại hình truyền thông mới như internet, truyền hình tương tác, phát thanh tương tác, sân khấu tương tác...

- Phối hợp với các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp nhằm đa dạng hóa các loại hình truyền thông đến các nhóm đối tượng ưu tiên;

- Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại các cơ sở cung cấp dịch vụ thông qua các hoạt động văn hóa thể thao, các cuộc họp cộng đồng, truyền thông tại các lễ hội, các phiên chợ, thảo luận nhóm, thăm hộ gia đình. Cung cấp các tài liệu như phát tờ rơi, áp phích, tranh lật, pa nô, băng zôn, khẩu hiệu, băng đĩa...

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Sử dụng kinh phí từ nguồn thực hiện các Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Bắc Quang năm 2024; (Theo Quyết định số 7489/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 về việc Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện Bắc Quang năm 2024).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Trung tâm Y tế huyện (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe nhân dân)

- Là đầu mối, căn cứ tình hình thực tế địa phương chủ động tham mưu với UBND huyện xây dựng kế hoạch hành động về Chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2021 với các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và phù hợp;

- Phối hợp với Bệnh viện đa khoa huyện thực hiện công tác giám sát hỗ trợ các hoạt động chăm sóc Sức khỏe sinh sản tại các xã, thị trấn;

- Triển khai tốt các hoạt động cung cấp dịch vụ đúng với Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc Sức khỏe sinh sản do Bộ Y tế quy định tại Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

- Các Trạm y tế xã, thị trấn, Phòng khám đa khoa Khu vực Liên Hiệp, Đồng Yên.

- + Thực hiện tốt các quy trình chuyên môn kỹ thuật theo đúng Hướng dẫn Quốc gia về dịch vụ chăm sóc SKSS do Bộ Y tế quy định.

+ Củng cố góc sơ sinh tại phòng đẻ theo đúng Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 về việc phê duyệt tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn triển khai đơn nguyên sinh và góc sơ sinh tại các tuyến y tế”;

+ Quản lý, giám sát các hoạt động chuyên môn của đội ngũ nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản trong lĩnh vực chăm sóc SKSS và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em;

+ Tăng cường việc học tập qua các lớp đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em.

2. Giao bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang

- Thiết lập củng cố hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa sơ sinh và nhi khoa góp phần bảo đảm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được tốt và thực hiện thành công các mục tiêu thiên niên kỷ. Chỉ đạo khoa phụ sản – Khoa Nhi thực hiện tốt Quyết định 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 về việc hướng dẫn triển khai đơn nguyên sinh;

- Bố trí cán bộ tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, giao ban chuyên ngành...

- Mở rộng việc triển khai áp dụng phần mềm báo cáo, thống kê về Sức khỏe sinh sản đến tất cả các đơn vị tuyến huyện và xã;

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị y tế khác tại địa phương để thực hiện công tác truyền thông giáo dục các nội dung về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em.

3. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan lập dự toán kinh phí, tham mưu cho UBND huyện nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch;

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch theo Quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

4. Giao các ngành, thành viên Ban Chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Trung tâm Y tế thực hiện các nhiệm vụ được giao; đưa nội dung Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em vào kế hoạch, chương trình hoạt động của Ngành, Hội, Đoàn thể, Tổ chức... bằng các nội dung cụ thể.

5. Giao Ban Chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe nhân dân các xã, thị trấn

Chỉ đạo các bộ phận liên quan của xã phối hợp với trạm y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trên địa bàn.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Tuyến huyện

Trung tâm Y tế huyện là đầu mối rà soát tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động của tuyến xã qua phần mềm báo cáo thống kê y tế (<https://baocao.tkyt.vn/>).

2. Tuyên xã

Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý qua phần mềm báo cáo thống kê y tế (<https://baocao.tkyt.vn/>) hoàn thiện trước ngày 30 hằng tháng.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện công tác Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em trên địa bàn huyện Bắc Quang năm 2024 của Ban chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện Bắc Quang./.

Nơi nhận:

- Sở y tế;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các thành viên BCD-CSSKND huyện;
- Hội người cao tuổi huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Ngô Văn Hiếu